TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Mai Thị Thảo**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị X**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 25/11/2014. Do điều kiện kinh tế khó khăn, thêm vào đó chị lại sinh hai con gái mà chồng và gia đình nhà chồng lại luôn mong muốn có con trai nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm, không quan tâm đến mẹ con chị và nhiều lần chửi đuổi nên chị phải đưa

các con về bên ngoại nương tựa. Sau đó anh lại đón mẹ con chị về, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn cứ tiếp diễn. Năm 2022 anh T đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc nhưng sau đó anh thường xuyên gây sự, yêu cầu chị ly hôn, nhưng vì con cái nên chị nín nhịn, khuyên bảo nhưng anh không thay đổi còn chửi bới, xúc phạm và đe dọa chị. Tháng 11/2024 chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở, tháng 12/2024 anh T về phép liên tục thúc ép chị nộp đơn đến Tòa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 24/8/2015 và Nguyễn Thị Linh C1, sinh ngày 01/4/2019, hiện các con đang ở với chị. Chị đề nghị tiếp tục được chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị X không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Anh T có quan điểm xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, chị X xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị X trình bày là đúng, hiện các con đang ở với chị X. Anh nhất trí để chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, khi nào anh về nước thì sẽ đón một con về nuôi. Trong thời gian ở Nhật Bản, anh đã gửi cho chị X số tiền 270.000.000đ và chị X đang quản lý chiếc xe máy Honda Junus BKS 34S1 - 28248 của vợ chồng trị giá 30.000.000đ. Anh T đề nghị chị X sử dụng số tiền trên để nuôi các con, anh không phải gửi tiền về nuôi các con nữa và không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị X nuôi con, anh T và ông bà nội được quyền thăm nom, chăm sóc các cháu. Tài sản chung, anh không yêu cầu giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị X, anh T là cháu Nguyễn Thị Mai C có nguyện vọng được ở với chị X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Xuân ly H anh Nguyễn Văn T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Mai C và Nguyễn Thị Linh C1 cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh T phải

cấp dưỡng nuôi con chung; Chị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị X hiện đang cư trú tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động, sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà M là mẹ đẻ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị X và anh T, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà M vẫn liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị X và anh T. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 25/11/2014 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị X và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị cũng được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị X có đơn xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị X ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị X và anh T hiện đang ở với chị X. Chị X và anh T cùng đề nghị giao các con chung cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi); chị X tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Mai C có nguyện vọng ở với chị X. Hội đồng xét xử xét thấy, chị X anh T thống nhất giao các con cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần giao các con chung cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X, anh T cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X, xử cho chị Trần Thị Xuân ly H anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 24/8/2015 và Nguyễn Thị Linh C1, sinh ngày 01/4/2019 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0001662 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị X đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu